

QUỐC ÂM TIỂU DẪN - LỜI TỰ BẠCH HAY SỰ TUYÊN NGÔN VỀ GIẢI QUỐC ÂM CỦA HÒA THƯỢNG PHÚC ĐIỀN

NINH VĂN ĐẠT*

Tóm tắt: Bài viết này sẽ đề cập đến văn bản *Quốc âm tiểu dẫn* một bộ phận cấu thành của hợp tập, đóng vai trò tính đại diện, tính giới thiệu Quốc âm cho cả một hợp tập văn bản có kí hiệu AB.367 lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Về phương diện nội dung, *Quốc âm tiểu dẫn* là lời tự bạch mang tính tuyên ngôn về giải Quốc âm của Hòa thượng Phúc Điền (1784-1863) và danh mục 34 thư tịch Phật giáo được Hòa thượng cùng sơn môn tổ chức thực hiện giải âm và in ấn trong khoảng thời gian 20 năm - từ năm Canh Tý niên hiệu Minh Mệnh (1840) đến năm Tự Đức thứ 14 (1861).

Từ khóa: *Quốc âm tiểu dẫn*, Hòa thượng Phúc Điền, giải Quốc âm

Abstract: This article will refer to the text *Quoc am tieu dan* 國音小引 in relation to the entire collection with the library symbol AB.367 in the Sino-Nom Book of the Institute of Sino-Nom Studies, Vietnam Academy of Social Sciences. It is a constituent part of the collection, playing the role of representing and introducing Quoc Am to the entire collection. In terms of content, 國音小引 is declaration of Chinese to Vietnamese translation. Besides, there is a list of 34 Buddhist books that Venerable Phuc Dien 福田和尚(1784-1863) organized to translate from Chinese into Vietnamese and print over a period of 20 years - from the year 1840 to the year 1861.

Key words: *Quoc am tieu dan*, Venerable Phuc Dien 福田和尚, Chinese to Vietnamese translation

Đặt vấn đề

Hòa thượng Phúc Điền 福田和尚 (1784-1863)¹ là một tác gia Hán Nôm Phật giáo lớn của thế kỷ XIX, người có đóng góp trên nhiều phương diện như: trước tác, biên soạn, biên dịch, phiên dịch, tổ chức san khắc thư tịch Hán Nôm Phật giáo, v.v.... Sự nghiệp “giải Quốc âm” của Hòa thượng không chỉ được thể hiện qua số lượng các văn bản, tác phẩm mà còn được Hòa thượng phát biểu ở dạng tuyên ngôn trong *Quốc âm tiểu dẫn* 國音小引. Văn bản này được in trong một hợp tập

văn bản hiện đang được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN) mang kí hiệu AB. 367². Bài viết sẽ đề cập đến văn bản *Quốc âm tiểu dẫn* trong mối quan hệ với cả hợp tập văn bản nêu trên cũng như đề cập đến phương diện nội dung của nó.

Bài viết gồm các nội dung chủ yếu dưới đây:

- Hợp tập văn bản mang kí hiệu AB.367 và *Quốc âm tiểu dẫn*

* Pháp danh Thích Minh Hiếu. Chùa Lý Nhân, P. Yên Bình, TP. Tam Điệp, Ninh Bình

- Nguyên văn và phiên âm, dịch nghĩa
Quốc âm tiểu dẫn

- Vị trí sắp đặt và tính đại diện, tính giới thiệu Quốc âm của *Quốc âm tiểu dẫn* cho hợp tập văn bản mang ký hiệu AB. 367

- Lời tự bạch mang tính tuyên ngôn về giải Quốc âm của *Quốc âm tiểu dẫn* - Danh mục sách giải Quốc âm của Hòa thượng Phúc Điền qua *Quốc âm tiểu dẫn*

1. Hợp tập văn bản mang ký hiệu AB.367 và *Quốc âm tiểu dẫn*

1.1. Cơ cấu sắp đặt của hợp tập văn bản mang ký hiệu AB.367

Trong bộ *Di sản Hán Nôm Việt Nam-Thư mục đề yếu*, tập 2³, ký hiệu AB.367 được ghi như sau: “*Kim cương kinh Quốc âm*, in tại chùa Liên Phái, Hà Nội, năm Tự Đức thứ 14 (1861); 56 tr., 26 x 18”. Đường như đây là cách ghi theo ý hiểu của người biên mục hơn là sự xuất phát từ định danh văn bản. Cách ghi chỉ dành riêng cho *Kim cương Bát nhã ba la mật kinh* 金剛般若波羅密經 chứ không đề cập đến tập sách mang tính hợp tập văn bản nói chung của ký hiệu sách AB.367.

Trước đó, trong bộ sách *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm-Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, tập 2⁴, khi đề cập đến bộ sách mang tính hợp tập văn bản có ký hiệu AB.367 này, nhà thư mục học Trần Văn Giáp cũng đặt một tên mới theo lối ghép các sách có trong đó thành *Kim cương phát nguyện Khóa hư quốc âm* 金剛發願課虛國音 bởi hợp tập văn bản này không có tên chung.

Qua sự trình bày trên của hai bộ thư mục cũng như đối chiếu với sách gốc,

chúng tôi thấy văn bản mang ký hiệu AB.367 dù là một hợp tập văn bản không có định danh chung một cách rõ ràng nhưng dường như tính chất Quốc âm là tính đại diện, đặc trưng cho các bộ phận được tập hợp bởi trong đó trật tự sắp đặt như sau:

1. *Quốc âm tiểu dẫn* có nội dung gồm hai phần: phần tự bạch có tính tuyên ngôn về giải Quốc âm và danh sách 34 bộ gồm sách gồm 183 quyển thuộc phạm trù sách giải Quốc âm do Hòa thượng Phúc Điền và sơn môn khắc in từ năm Canh Tý niên hiệu Minh Mệnh (1840), đến năm Tân Dậu niên hiệu Tự Đức thứ 14 (1861), ván khắc in lưu tại các chùa Liên Phái (Hà Nội), Bồ Sơn (Bắc Ninh).

2. Hai bài tựa *Kinh Kim cương*: một bài nói về việc khắc lại kinh ấy năm 1861 và một bài tựa cũ nói về các vị đã nghiên cứu kinh *Kim cương* cũng như phân đoạn kinh và nghi thức lễ Phật tụng kinh trì chú bằng Hán văn.

3. *Kinh Kim cương* giải Quốc âm ở dạng song ngữ Hán Nôm.

4. *Phật thuyết A Di Đà kinh diễn nghĩa* 佛說阿彌陀經演義 ở dạng song ngữ Hán Nôm.

5. *Phát nguyện văn* 發願文.

6. *Khóa hư Quốc âm* 課虛國音 ở dạng song ngữ Hán-Nôm.

7. Cuối cùng bảng ngữ vựng mang tên là *Khóa hư lục quyển hạ chí thượng quyển thích âm* 課虛錄卷下至上卷釋音 mà mở đầu cho bản thích âm này mục từ *Trịch quả* 擲菓 (ném quả).

Từ cơ cấu sắp đặt được nêu trên đây của hợp tập văn bản AB.367 cho thấy

Quốc âm tiểu dẫn đóng vai trò như lời dẫn cho hợp tập văn bản và hợp tập văn bản này có tính chất là hợp tập văn bản Quốc âm. Điều này nói lên mối quan hệ của *Quốc âm tiểu dẫn* với các văn bản thành viên có trong hợp tập văn bản AB.367 cũng như cả hợp tập văn bản nói chung.

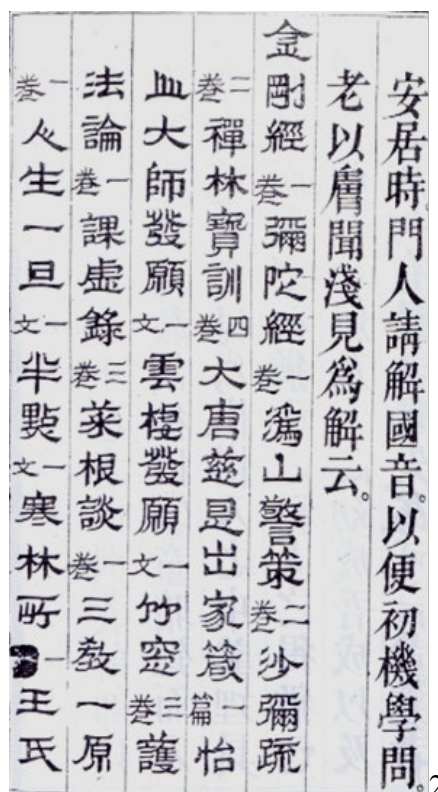
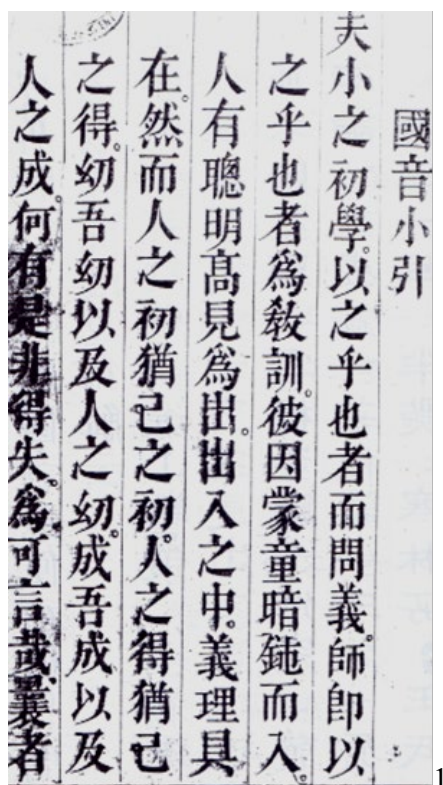
Bên cạnh đó, *Quốc âm tiểu dẫn* lại còn là lời tự bạch mang tính tuyên ngôn của Hòa thượng Phúc Điền về giải Quốc âm, thành tựu trong việc giải Quốc âm, in sách Quốc âm của ông và sơn môn trong 20 năm từ 1840 - 1861.

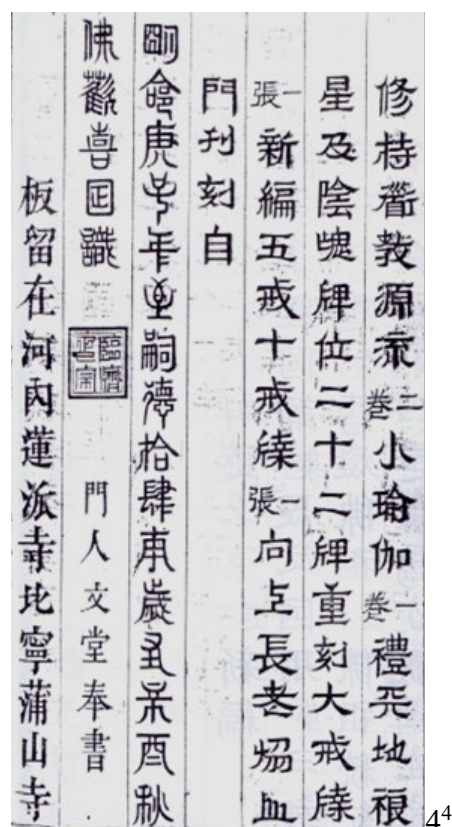
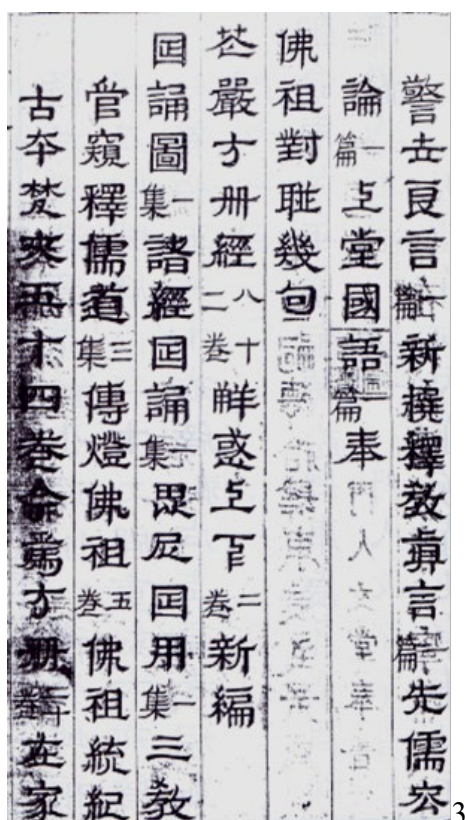
Điều này thúc đẩy chúng tôi đi sâu hơn vào văn bản *Quốc âm tiểu dẫn* và phân tích văn bản này để tìm ra một số thông tin chủ yếu có trong đó.

2. Nguyên văn và phiên âm, dịch nghĩa *Quốc âm tiểu dẫn*

2.1. Nguyên văn *Quốc âm tiểu dẫn*

Nguyên văn của văn bản *Quốc âm tiểu dẫn* có độ dài 04 trang nằm trong tập sách mang tính chất hợp tập văn bản như đã được nêu ở trên với kí hiệu AB.367, VCNHN.





Nguyên văn *Quốc âm tiểu dẫn*, trong văn bản kí hiệu AB.367

2.2. Phiên âm *Quốc âm tiểu dẫn*

Quốc âm tiểu dẫn

Phù tiểu chi sơ học, dĩ chi hồ dã giả
nhi vấn nghĩa. Sư tức dĩ chi hồ dã giả vi
giáo huấn. Bĩ nhân mông đồng ám độn
nhi nhập. Nhân hữu thông minh cao kiến
vi xuất. Xuất nhân chi trung, nghĩa lý cụ
tại. Nhiên nhi nhân chi sơ do kĩ chi sơ,
nhân chi đắc do kĩ chi đắc. Ấu ngô ấu dĩ
cập nhân chi ấu, thành ngô thành dĩ cập
nhân chi thành. Hà hữu thị phi đắc thất,
vi khả ngôn tại. Năng giả an cư thời, môn
nhân thỉnh giải quốc âm, dĩ tiện sơ cơ học
vấn. Lão dĩ phu văn thiển kiến vi giải vấn.

Kim Cương kinh nhất quyển

Di Đà kinh nhất quyển

Quy Sơn cảnh sách nhị quyển

Sa Di sơ nhị quyển

Thiền lâm bảo huân tứ quyển

Đại Đường Từ Ân xuất gia chiêm nhất
thiên

Di Sơn đại sư phát nguyện nhất văn

Vân Thê phát nguyện nhất văn

Trúc song tam quyển

Hộ pháp luận nhất quyển

Khóa hư lục tam quyển

Thái căn đàm nhất quyển

Tam giáo nhất nguyên nhất quyển

Nhân sinh nhất đán nhất văn

Bán điểm nhất văn

Hàn lâm sở nhất văn

Vương Thị Cảnh thế lương ngôn nhất
thiên

Tân tuyển Thích giáo chân ngôn nhất thiên

Tiên Nho hoàng luận nhất thiên

Thượng đường quốc ngữ nhất thiên

Phụng Phật tổ đối liên kị cú

Hoa Nghiêm phương sách kinh bát thập nhị quyển

Giải hoặc thượng hạ nhị quyển

Tân biên nhật tụng đồ nhất tập

Chư kinh nhật tụng nhất tập

Tỳ Ni nhật dụng nhất tập

Tam giáo quán khuy Thích Nho Đạo tam tập

Truyền đăng Phật tổ ngũ quyển

Phật Tổ thống kỷ cổ bản Phạn văn ngũ thập tứ quyển

Kim Yên phương sách nhị thập quyển

Tại gia tu trì Đạo giáo nguyên lưu nhị quyển

Tiểu Du Già nhất quyển

Lễ thiên địa nương tinh cập âm hôn bài vị nhị thập nhị bài

Trùng khắc đại giới điệp nhất trương

Tân biên ngũ giới thập giới điệp nhất trương

Hương thượng Trưởng lão hiệp sơn môn san khắc, tự Minh Mệnh Canh Tí niên chí Tự Đức thập tứ niên. Tuế tại Tân Dậu thu Phật hoan hỷ nhật chí.

Môn nhân Văn đường phụng thư.

Bản lưu tại Hà Nội Liên Phái tự, Bắc Ninh Bồ Sơn tự.

2.3. Dịch nghĩa Quốc âm tiểu dẫn

Tiểu dẫn cho phần Quốc âm

Ôi, cái học ban đầu của trẻ nhỏ, lấy “chỉ hồ đã giả” mà hỏi nghĩa, người thầy liền lấy “chỉ hồ đã giả” làm giáo huấn. Kể kia vì ám độn ngu dốt mà vào, người có thông minh cao kiến mà ra. Trong sự “ra vào” ấy mà nghĩa lý đủ cả. Thế nhưng cái ban đầu của người cũng như cái ban đầu của mình, cái được của mình cũng giống cái được của người. Thương yêu đứa con trẻ của ta để yêu đến đứa con trẻ của người. Làm nên cái thành của ta cũng là để làm nên thành của người. Ở đây sao lại có chuyện phải trái, được mất đáng nói nhi. Khi trước trong thời gian an cư kết hạ, người trong thiền môn xin giải nghĩa Quốc âm để tiện cho những kẻ học vấn còn sơ cơ. Lão phu bèn đem cái học nghe ít thấy, nông cạn của mình ra mà giảng giải vậy.

1. Kinh Kim cương, một quyển 金剛經一卷

2. Kinh Di Đà, một quyển 彌陀經一卷

3. Quy Sơn cảnh sách, hai quyển 潯山警策二卷

4. Sa Di sơ, hai quyển 沙彌疏二卷

5. Thiền lâm bảo huấn, bốn quyển 禪林寶訓四卷

6. Đại Đường Từ Ân xuất gia châm, một thiên 大唐慈恩出家箴一篇

7. Di Sơn đại sư phát nguyện, một bài 怡山大師發願一文

8. Vân Thê phát nguyện, một bài 雲棲發願一文

9. Trúc song, ba quyển 竹窓三卷

10. Hộ pháp luận, một quyển 護法論一卷

11. Khóa hư lục, ba quyển 課虛錄三卷
12. Thái căn đàm, một quyển 菜根談一卷
13. Tam giáo nhất nguyên, một quyển 三教一原一卷
14. Nhân sinh nhất đán, một bài 人生一旦一文
15. Bán điểm, một bài 半點一文
16. Hàn lâm sở, một bài 寒林所一文
17. Vương Thị Cảnh thế lương ngôn, một thiên 王氏警世良言一篇
18. Tân tuyển Thích giáo chân ngôn, một thiên 新選釋教真言一篇
19. Tiên Nho hoàng luận, một thiên 先儒公論一篇
20. Thượng đường Quốc ngữ, một thiên 上堂國語一篇
21. Phụng Phật tổ đối liên kị cú 奉佛祖對聯幾句
22. Hoa Nghiêm phương sách kinh, tám mươi hai quyển 花嚴方冊經八十二卷
23. Giải hoặc thượng hạ, hai quyển 解惑上下二卷
24. Tân biên nhật tụng đồ, một tập 新編國誦圖一集
25. Chư kinh nhật tụng, một tập 諸經日誦一集
26. Tỳ Ni nhật dụng, một tập 毘尼日用一集
27. Tam giáo quản khuy Thích Nho Đạo, ba tập 三教管窺釋儒道三集
28. Truyền đăng Phật tổ, năm quyển 傳燈佛祖五卷
29. Phật tổ thống kỷ cổ bản Phạn văn, năm mươi tư quyển 佛祖統紀古本梵文五十四卷

30. Kim Yên phương sách, hai mươi quyển 今焉方冊二十卷

31. Tại gia tu trì Đạo giáo nguyên lưu, hai quyển 在家修持釋教源流二卷

32. Tiểu Du Già, một quyển 小瑜伽一卷

33. Lễ thiên địa nương tình cập âm hồn bài vị, hai mươi hai bài trùng khắc đại giới điệp một trang 禮天地禳星及陰魂牌位二十二牌重刻大戒牒一張

34. Tân biên ngũ giới thập giới điệp, một trang 新編五戒十戒牒一張

Trên đây là những sách mà trường lão hiệp lực cùng sơn môn san khắc từ năm Canh Tý niên hiệu Minh Mệnh (1840) đến năm Tự Đức thứ 14 (1861).

Lúc này là năm Tân Dậu, mùa thu, ngày Phật (1861) hoan hỷ viết bài *Tiểu dẫn*.

Môn nhân Văn Đường phụng thư.

Ván khắc lưu tại chùa Liên Phái Hà Nội, chùa Bồ Sơn Bắc Ninh.

Từ thực tế văn bản cũng như cơ cấu sắp đặt của *Quốc âm tiểu dẫn* cho thấy mối quan hệ của nó với hợp tập văn bản mang ký hiệu AB. 367. Nội dung của nó hướng vào hai vấn đề chính: Lời tự bạch mang tính tuyên ngôn về giải Quốc âm và danh mục sách giải Quốc âm của Hòa thượng Phúc Điền.

3. Vị trí sắp đặt của văn bản và tính giới thiệu, tính đại diện Quốc âm cho cả một tập sách

Văn bản có định danh rõ ràng là *Quốc âm tiểu dẫn* được sắp xếp ở vị trí lời dẫn, mở đầu cho cả hợp tập văn bản mang ký hiệu AB.367. *Quốc âm tiểu dẫn* là lời giới thiệu cho cả hợp tập văn bản chứ không

phải là một văn bản độc lập. Dường như định danh này là sự thể hiện “tính giới thiệu, tính đại diện Quốc âm”. Tính giới thiệu, tính đại diện của nó đã báo trước cho cả một tập hợp các văn bản hiện mang kí hiệu AB.367 đang được lưu giữ tại VNCHN.

Sự nhận thức này dường như đã được thể hiện ở mức độ nhất định trong cách ghi của một số bộ thư mục như *Di sản Hán Nôm Việt Nam-Thư mục đề yếu, Tìm hiểu kho sách Hán Nôm-Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam...*

Như trên đây đã nêu, trong bộ thư mục *Di sản Hán Nôm Việt Nam-Thư mục đề yếu*, tập 2, kí hiệu AB.367 được ghi theo tên sách *Kim cương kinh Quốc âm*. Việc trình bày như sau: “*Kim cương kinh Quốc âm*, in tại chùa Liên Phái, Hà Nội, năm Tự Đức thứ 14 (1861); 56 tr., 26 x 18”⁵. Đây là cách ghi tách riêng một tên sách từ một phức thể gồm nhiều thành viên có trong kí hiệu sách AB.367. Dường như định danh trên được thiết lập và ghi theo cách hiểu về thực tế văn bản của những người làm thư mục. Họ gọi theo cách tách riêng như thế là vì văn bản kinh *Kim cương* được in trong tập này là văn bản song ngữ Hán Nôm. Song cả tập sách thì không chỉ có *Kim cương kinh Quốc âm* mà còn nhiều văn bản giải Quốc âm khác nữa. Cho dù chỉ tách riêng *Kim cương kinh Quốc âm* ra để ghi nhưng rõ ràng rằng, “tính giới thiệu, tính đại diện Quốc âm” đã được đặc biệt chú ý đến.

Trước đó, tính “giải Quốc âm” của cả hợp tập văn bản cũng được đặc biệt chú ý đến trong cách trình bày của nhà Thư mục

học Trần Văn Giáp trong *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm-Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, tập 2⁶, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990 ở trang 219.

Khi đề cập đến văn bản AB.367, ở mục 399, nhà Thư mục học Trần Văn Giáp cũng đã đặt một tên mới theo lối ghép các sách có trong đó theo hướng giới thiệu tính “giải Quốc âm” của tập sách được đặc biệt chú ý đến thành một tên mới hoàn toàn. Cụ thể như sau: “399. *Kim Cương phát nguyện Khóa hư Quốc âm* 金剛發願課虛國音, 1 cuốn, Phúc Điền Hòa thượng Sa môn An Thiền Quốc âm 福田和尚沙門安禪國音 dịch ra Quốc âm. Sách in ván gỗ, giấy bản xơ (28x17), 86 tờ, tờ 2 trang, trang 10 dòng, dòng 20 chữ, khắc đẹp, rõ ràng. Tên sách đề trên chỉ là tên tắt của nhiều bộ sách gộp lại. Đây là bản dịch ra tiếng Việt chưa bằng chữ Nôm các *Kinh Kim cương, Kinh Di Đà* cùng phát nguyện văn trong kinh Phật. Về sách *Khóa hư lục* của Trần Thái Tông đề rõ 陳朝太宗皇帝御制⁷ 課虛錄. Đầu sách có bài *Tiểu dẫn*, đề *Quốc âm tiểu dẫn*; trong đó nói nguyên ủy dịch ba bộ sách trên đây và phụ một bản danh sách đã khắc in, đếm ra được 33⁸ bộ gồm 183 quyển, bản khắc in lưu tại các chùa Liên Phái (Hà Nội), Bồ Sơn (Bắc Ninh). Những sách này do Phúc Điền hòa thượng và các học trò khắc in từ năm Canh Tý niên hiệu Minh Mệnh (1840), đến năm Tự Đức thứ 14 là năm Tân Dậu (1861). Thử đến hai bài tựa kinh *Kim cương*: một bài nói về việc khắc lại kinh ấy năm 1861 và một bài tựa cũ nói về các vị đã nghiên cứu kinh ấy. Hết kinh *Kim cương* đến kinh *Di*

dà: đề *Phật thuyết A Di Đà kinh diễn nghĩa* 佛說阿彌陀經演義 và *Phát nguyện văn* 發願文. Sau cùng là sách *Khóa hư quốc âm* 課虛國音. Bắt đầu là bài tựa mới 課虛錄新序 nghĩa là bài tựa của Nguyễn Thận Hiên (tức Nguyễn Đăng Giai) làm năm Canh Tý niên hiệu Minh Mệnh (1840) nói về đầu đuôi sách *Khóa hư lục*, không nói đến việc dịch ra tiếng Việt... 明命... 庚子... 晚生... 法名大方阮慎軒序. (Bài tựa này có dịch ra quốc âm). Thử đến mục lục rồi đến tên sách cùng tác giả và tên người dịch. 陳朝太宗皇帝御制課虛錄 (Sách *Khóa hư lục* tác giả là vua Thái Tông triều Trần). Người giải âm là An Thiên, “Nhà sư An Thiên ở chùa Đại Giác được phong là Phúc Điền hòa thượng giải âm sách *Khóa hư*/大覺禪寺度牒和尚沙門安禪課虛錄解音”. Bắt đầu vào thân sách, sau mỗi đoạn nguyên văn bằng chữ Hán, có bản dịch ra tiếng Việt, dịch sát từng câu từng chữ. Những đoạn dịch này đã ghi lại được lối viết chữ Nôm thời đó và một số tiếng Việt dùng ở thời đó mà nay đã biến đổi. Cuối cùng có bản ngữ vựng (từ 43-49), thích nghĩa và chưa điển tích các danh từ trong sách: 課虛錄卷下至上卷釋音. Tóm lại, cuốn sách này (AB.367) tuy là văn bản kinh Phật nhưng nó là một tài liệu quý giúp cho các môn triết học, văn tự ngữ ngôn Việt Nam. Riêng phần chữ Nôm và danh từ Việt Nam về thế kỷ XIX, thật là phong phú và chính xác⁹”.

Như vậy, cả hai bộ thư mục hoặc là ghi riêng tên sách (trường hợp *Di sản Hán Nôm Việt Nam-Thư mục đề yếu*) hoặc ghi tổng hợp các tên sách (trường hợp *Tìm*

hiếu kho sách Hán Nôm) đều hướng đến tính chất “giải Quốc âm” của tập sách kí hiệu AB.367. Tính chất “giải Quốc âm” ấy được toát ra từ các văn bản thành viên có trong đó mà trước hết là ở *Quốc âm tiểu dẫn* cũng như tính giới thiệu của nó khi được đặt ngay ở đầu tập sách. *Quốc âm tiểu dẫn*, tập sách mang tính hợp tập văn bản với kí hiệu AB.367, trong đó có: 1. *Kinh Kim cương* song ngữ Hán Nôm; 2. *Phật thuyết A Di Đà kinh diễn nghĩa* 佛說阿彌陀經演義 song ngữ Hán Nôm; 3. *Phát nguyện văn* 發願文; 4. *Khóa hư lục* 課虛錄 song ngữ Hán Nôm.

Bên cạnh tính giới thiệu Quốc âm cho hợp tập văn bản có kí hiệu AB.367, *Quốc âm tiểu dẫn* lại còn là “lời tự bạch về giải Quốc âm và danh mục sách giải Quốc âm của Hòa thượng Phúc Điền”. Hai vấn đề đó sẽ lần lượt được đề cập ở phía dưới.

4. Lời tự bạch mang tính tuyên ngôn về “giải Quốc âm” của Hòa thượng Phúc Điền

Sự tự bạch mang tính tuyên ngôn về giải Quốc âm của *Quốc âm tiểu dẫn* được thể hiện một cách ngắn gọn nhưng khá đầy đủ về vai trò, ý nghĩa, tác dụng cũng như mục đích của giải âm và cấu trúc nhận thức của giải âm, cách thức giải âm tức cách thức phiên chuyển của giải âm, v.v...

Mục đích của giải Quốc âm là để người học, người đọc, người nghe, dân Việt nắm được các văn bản cũng như các vấn đề được văn bản hóa trong các văn bản kinh, luật, luận của Phật giáo. Đối tượng thụ hưởng của giải âm trước hết là những người có trình độ sơ cơ. Đó cũng là ý nghĩa, vai trò, chức năng của giải âm.

Nói đến giải Quốc âm phải đề cập đến các thành tố trong cấu trúc giải âm như: thành tố xuất phát - hệ thống ngôn ngữ cần được dịch mà cụ thể ở đây là Hán văn, chữ Hán; thành tố hướng tới - hệ thống ngôn ngữ cần được dịch mà cụ thể ở đây được gọi là Quốc âm.

Khi phát biểu về các vấn đề trên, lời tự bạch về “giải Quốc âm” của Hòa thượng Phúc Điền có đầy đủ các yếu tố cần được trình bày cho dù chúng được trình bày một cách ngắn gọn nhất. Lời tự bạch đã đề cập đến cấu trúc nhận thức về “giải Quốc âm” trong mối liên hệ và tương ứng giữa việc xác định “cái học Hán văn” và “cái học Quốc văn”. Đó là mối quan hệ và tương ứng giữa “cái học Hán văn”- cái học nước ngoài, vay mượn với “cái học Quốc văn”- cái học bản quốc. “Cái học Hán văn” vay mượn đó được gọi là cái học “chi, hồ, giả, dã” theo cách gọi lúc bấy giờ của ông. “Cái học Quốc văn” là cái học của tiếng mẹ đẻ, cái học của lời ăn tiếng nói hàng ngày vốn có của mỗi người dân nước Việt vốn được hình thành trong họ từ thuở nài nôi. Ở đây đã có một cách diễn đạt thú vị về đối lập song ngữ Hán Nôm đó. Đối lập Hán Nôm là đối lập giữa :cái học chi, hồ, giả, dã” vay mượn với “cái học bản địa bằng tiếng mẹ đẻ”. Lưu ý rằng, cách nói cái học “chi, hồ, giả, dã” nhằm chỉ cái học bằng Hán văn cũng được dùng lại khi ở Việt Nam tiến hành bỏ cái học bằng Hán văn, chữ Hán để chuyển sang cái học tiếng mẹ đẻ được ghi bằng văn tự chữ cái (alphabet) abc - tức cái học “a”, “bờ”, “cờ” ở những thập niên đầu thế kỷ XX. Đó là đối lập giữa

Hán văn, chữ Hán với Quốc ngữ, Quốc âm, Nam âm ghi bằng văn tự chữ cái alphabet mẫu tự châu Âu; đối lập giữa cái học “chi, hồ, giả, dã” với cái học “a, bờ, cờ”. Điều này ở một mức độ nhất định đã cho ta thấy Hòa thượng Phúc Điền đã có nhận thức rõ ràng về cấu trúc song ngữ Hán Việt trong môi trường song ngữ Hán Việt thời trung đại, cho dù khi đó Nho học, Khổng học đang được coi là quốc học, Hán văn được coi là quốc văn. Bởi thế cho nên đây là một nhận thức rất mới mẻ so với những gì trước đó cũng như so với đương thời lúc bấy giờ.

Sự nhận thức về giải Quốc âm như thế đã đạt tới mức độ nhất định mang tính cấu trúc và chức năng về phương diện nhận thức. Tính cấu trúc - chức năng đó thể hiện ở chỗ, nhận thức này đã bao gồm trong đó sự nhận thức về các thành tố cũng như tính chất của các thành tố tham gia cấu trúc đó cho dù còn đơn giản, phôi thai. Đó thực sự là một tuyên ngôn về giải Quốc âm.

Điều này được Hòa thượng diễn đạt một cách cảm khái như sau: “Ôi, cái học ban đầu của trẻ nhỏ, lấy “chi, hồ, dã, giả” mà hỏi nghĩa, người thầy liền lấy “chi, hồ, dã, giả” làm giáo huấn. Kẽ kia vì ám độn ngu dốt mà vào, người có thông minh cao kiến mà ra. Trong sự “ra vào” ấy mà nghĩa lý đủ cả. Thế nhưng cái ban đầu của người cũng như cái ban đầu của mình, cái được của mình cũng giống cái được của người. Thương yêu đứa con trẻ của ta để yêu đến đứa con trẻ của người. Làm nên cái thành của ta cũng là để làm nên thành của người. Ở đây sao lại có chuyện phải

trái, được mất đáng nói nhĩ. Khi trước trong thời gian an cư kết hạ, người trong thiền môn xin giải nghĩa quốc âm để tiện cho những kẻ học vẫn còn sơ cơ. Lão phu bèn đem cái học nghe ít thấy nông của mình ra mà giảng giải vậy”.

Như vậy, cái học “chi, hò, giả, dã” và cái học giải nghĩa Quốc âm đã được Hòa thượng Phúc Điền phát biểu trong mối quan hệ tương liên và đối lập ở dạng tự bạch nhưng vẫn chứa đựng trong mình các yếu tố cơ bản của đối lập song ngữ Hán Nôm cũng như cấu trúc các thành tố giải Quốc âm, trong đó đặc biệt nêu lên vai trò và khả năng của Quốc âm trong việc diễn đạt các vấn đề của học thuật cũng như mối quan hệ của Quốc âm với chủ nhân của nó. Quốc âm đã vươn lên và có một địa vị mới trong lĩnh vực học thuật. Các giáo lý của Phật giáo cần và đã được trình bày bằng Quốc âm ở một khuôn khổ mới mang tính hệ thống, tập hợp văn bản với những văn bản kinh, luật, luận cũng như các trước tác Phật học Đại Việt. Điều này tạo nên một hình ảnh mới của giải Quốc âm trong thế kỷ XIX. Truyền thống giải Quốc âm đã có từ vài thế kỷ trước đó nhưng được phát biểu ở dạng tự bạch-tuyên ngôn như thế thì thực là mới mẻ.

Hơn nữa, một tập hợp các văn bản kinh, luận, luật Phật giáo trong đó có cả những trước tác Phật học Đại Việt do Hòa thượng cùng sơn môn giải Quốc âm đã được Hòa thượng nêu ngay trong *Quốc âm tiểu dẫn*.

Danh mục 34 đơn vị văn bản như đã nêu có độ dài ngắn khác nhau, mức độ

giải Quốc âm ở chúng có thể khác nhau. Cần phải có các nghiên cứu cụ thể đối với từng trường hợp. Song nhìn một cách bao quát, về cơ bản chúng tương ứng với những gì được Hòa thượng Phúc Điền trình bày trong *Quốc âm tiểu dẫn* cũng như tương ứng với ý kiến của một số nhà nghiên cứu Hán Nôm phát biểu trong các bộ thư mục hay trong một số nghiên cứu chuyên sâu khác.

Lời kết

Như vậy, *Quốc âm tiểu dẫn* là một thành viên hay bộ phận cấu thành của tập hợp văn bản hiện đang được lưu giữ tại VNCHN, mang kí hiệu AB.367. Trong cơ cấu sắp đặt như thế, *Quốc âm tiểu dẫn* đã đóng vai trò tính đại diện, tính giới thiệu Quốc âm cho cả hợp tập văn bản kí hiệu AB.367, có tính chất của một từng thư Quốc âm. Ba văn bản giải Quốc âm: *Kim cương Bát nhã Ba la mật kinh* 金剛般若波羅密經, *Phật thuyết A Di Đà kinh diễn nghĩa* 佛說阿彌陀經演義, *Khóa hư lục* 課虛錄 là những thành viên đại diện cho từng thư Quốc âm này.

Về phương diện nội dung, *Quốc âm tiểu dẫn* là lời tự bạch mang tính tuyên ngôn về giải Quốc âm của Hòa thượng Phúc Điền chứa đựng những điểm căn bản nhất mang tính nhận thức về giải Quốc âm có tính giai đoạn và thời đại. Bên cạnh đó là thông tin danh mục sách 34 thư tịch Hán Nôm Phật giáo được Hòa thượng Phúc Điền 福田和尚(1784-1863) - một tác gia Hán Nôm Phật giáo lớn, một nhà phiên dịch Hán Nôm Phật giáo của Việt Nam thế kỷ XIX cùng sơn môn tổ chức thực hiện trong khoảng thời gian 20

năm-từ năm Canh Tý niên hiệu Minh Mệnh (1840) đến năm Tự Đức thứ 14 (1861)/.

N.V.Đ

Tài liệu tham khảo và trích dẫn

1. Hòa thượng Phúc Điền pháp hiệu An Thiên, quê quán thôn Trung Thịnh xã Bạch Sam huyện Sơn Minh phủ Ứng Hòa (nay là xã Trường Thịnh huyện Ứng Hòa Thành phố Hà Nội), cha họ Vũ, mẹ họ Lê. Năm 12 tuổi xuất gia, tu ở chùa Đại Bi (chùa Sét) Thanh Liệt, Thanh Trì với Thiền sư Viên Quang Hải Tiềm (1723-1789). Năm 15 tuổi (Mậu Ngọ, Cảnh Thịnh thứ 6, 1798), Thiền sư Viên Quang Hải Tiềm viên tịch. Được thụ giới Sa di với Hòa thượng Từ Phong Hải Quỳnh (1728-1811), pháp danh Tịch Tịch. Năm 20 tuổi (Giáp Tý, Gia Long thứ 3, 1804) sang chùa Pháp Vân Đại Thiên ở Phú Ninh xứ Kinh Bắc thụ giới Tỳ Kheo Bồ Tát với Tổ Tịch Giảng Vô Tứ (1755-1820). Năm 50 (Ất Mùi, Minh Mệnh thứ 16, 1835) vào kinh dự tuyển Độ điệp, được triều đình ban giới đao độ điệp, được sắc hiệu là Phúc Điền Hòa thượng (Hòa thượng Phúc Điền). Năm Canh Tý (Minh Mệnh thứ 21, 1840) sư về khai hóa ở chùa Đại Giác (Bồ Sơn, Bắc Ninh), chùa Thiên Phúc (Gia Thụy, Gia Lâm) theo sự cung thỉnh của cư dân địa phương. Năm Quý Mão (Thiệu Trị thứ 3, 1843) hưng công xây dựng chùa Hoàng Vân (thôn Nhuệ xã Trung Thụy huyện Đan Phượng phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây) theo sự cung thỉnh của cư dân địa phương. Rằm tháng 11, năm Giáp Thìn (Thiệu Trị thứ 4, 1844) Sa môn An Thiên Hòa thượng Phúc Điền độ điệp giới đao ở chùa Đại Quang, Phú Nhi hoàn tất việc biên tập và khắc in bộ sách *Tiểu Du già thí thực pháp* 小

瑜伽施食法 cũng như nhiều sách khác nữa. Năm Bính Ngọ (Thiệu Trị thứ 6, 1846) khai hóa chùa Liên Trì Hải Hội bên hồ Hoàn Kiếm ở huyện Thọ Xương tỉnh Hà Nội. Năm Đinh Mùi (Thiệu Trị thứ 7, 1847), khai hóa lại chùa Báo Thiên, khuyến hóa Đại sứ thần, tu bổ các chùa và giao cho các môn nhân phái Bồ Sơn trụ trì. Năm Canh Tuất (Tự Đức thứ 4, 1851) và nhiều năm sau đó đã đứng ra biên tập, chứng san cho việc san khắc các sách Phật giáo ở nhiều thiền tự vùng Bắc Ninh, Hà Nội, Sơn Tây. Giờ Tý ngày 16 tháng 11 năm Quý Hợi (Tự Đức thứ 16, 1863), Hòa thượng Phúc Điền viên tịch, hưởng thọ 80 tuổi. [Theo Trịnh Khắc Mạnh (chủ biên), *Từ điển tác gia Hán Nôm Việt Nam*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021, tr.760 -764].

2. Trong văn bản này có chứa đựng ở trong đó ba văn bản giải Quốc âm nổi tiếng do Hòa thượng Phúc Điền thực hiện như: *Kim cương Bát nhã ba la mật kinh* 金剛般若波羅密經; *Phật thuyết A Di Đà kinh diễn nghĩa* 佛說阿彌陀經演義; *Khóa hư lục* 課虛錄.

3. Trần Nghĩa (đồng chủ biên, 1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam-Thư mục đề yếu*, tập 2, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.58, mục 1720.

4. Trần Văn Giáp (1990), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm-Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, tập 2, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.219.

“夫小之初學。以之乎也者而問義。師即之乎也者為教訓。彼因蒙童暗鈍而入。人有聰明高見為出。出入之中。義理具在。然而人之初猶己之初。人之得猶己之得。幼吾幼以及人之幼。成吾成己及人之成。何有是非得失。為可言哉。曩者安居

時。門人請解國音。以便初機學問。老以膚聞淺見為解云”。

5. Trần Nghĩa (đồng chủ biên, 1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam-Thư mục đề yếu*, tập 2, sdd, mục 1720, tr.58.

6. Trần Văn Giáp (1990), *Tìm hiểu Kho sách Hán Nôm-Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, tập 2, sdd, tr.219.

7. Ở đây chúng tôi viết chữ 制 theo *Tìm hiểu Kho sách Hán Nôm-Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, tập 2, sdd, tr.219.

8. Con số ở đây cũng có một chút xuất nhập so với việc đếm của chúng tôi. Chúng tôi thông kê được 34 tên sách.

9. Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu Kho sách Hán Nôm-Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, tập 2, sdd, tr.219

10. Trần Trọng Dương (2012), “Nghiên cứu phương pháp giải nghĩa và giải âm qua *Khóa hư lục giải nghĩa* và *Khóa hư lục giải âm*”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 (113).

11. Ninh Văn Đạt (Thích Minh Hiếu), 2021, “Nghiên cứu văn bản Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật kinh”, luận văn Thạc sĩ, hoàn

thành và bảo vệ tại Hội đồng đánh giá Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Trịnh Khắc Mạnh (chủ biên, 2021), *Từ điển tác gia Hán Nôm Việt Nam*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

13. Thích Min Tâm (1997), “Vài nét về Hòa thượng Phúc Điền-tác giả sách Đạo giáo nguyên lưu”, *Thông báo Hán Nôm năm 1977*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

14. Nguyễn Văn Thanh (2019), “Giới thiệu văn bản tác phẩm của Hòa thượng Phúc Điền lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (154).

15. Nguyễn Văn Thanh (2020), “Dịch từ Hán sang Nôm văn bản Phật giáo thế kỷ XIX: Nghiên cứu trường hợp *Hộ pháp luận* của Hòa thượng Phúc Điền”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (159).

16. Thích Minh Tín (2008), “Tìm hiểu thêm về Sa môn An Thiên”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (86).

17. *Kim cương kinh Quốc âm* 金剛經國音 Kí hiệu AB.367, VNCHN.